TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƯ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/HS-ST
Ngày: 15-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Cao Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Hiếu - Bí thư Huyện đoàn Như Xuân

2. Bà Lê Thị Bảy - Phó Trưởng phòng LĐTB&XH huyện Như Xuân

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Quang Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Hoàng Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024, tại Toà án nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2024/TLST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 5 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. **Tạ Quang P** - sinh ngày: 04/01/2007, tại huyện T, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Xóm E, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Tạ Quang H, sinh năm 1974; con bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1985; chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp và tạm giữ từ ngày 02/01/2024 đến ngày 05/01/2024, sau đó bị áp dụng biện pháp ngăn chặn C đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (có mặt);

2. **Trần Duy M** - sinh ngày: 22/8/2007, tại huyện T, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Xóm T, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Duy L1, sinh năm 1986; con bà: Tăng Thị K, sinh năm 1987; chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp và tạm giữ từ ngày 02/01/2024 đến ngày 05/01/2024, sau đó bị áp dụng biện pháp ngăn chặn C đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (có mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Tạ Quang P:* Ông Tạ Quang H - sinh năm: 1974; nơi cư trú: Xóm E, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An (là bố của bị cáo) (có mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Duy M:* Ông Trần Duy L1 - sinh năm: 1986; nơi cư trú: Xóm T, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An (là bố của bị cáo) (có mặt).

- *Người bào chữa cho các bị cáo Tạ Quang P, Trần Duy M:* Ông Hoàng Đức H1 - là Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh T3 pháp lý số 4, thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T (có mặt).

- *Bị hại:* Anh Đậu Văn M1 - sinh ngày: 04/10/2008; nơi thường trú: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi ở hiện tại: Xóm M, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:* Ông Đậu Văn T - sinh năm: 1973; nơi cư trú: Xóm M, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (là bố của bị hại) (vắng mặt).

- *Người làm chứng:* Anh Phan Hoàng T1 - sinh ngày: 05/12/2008; nơi cư trú: Khối T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của người làm chứng:* Bà Hoàng Thị L2 - sinh năm: 1982; nơi cư trú: Khối T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nghệ An (là mẹ của người làm chứng) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ ngày 01/01/2024, Tạ Quang P, sinh ngày 04/01/2007, trú tại xóm E, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An điều khiển xe máy nhãn hiệu SAKI Motor, loại xe WOWY RSX màu xanh đen, biển kiểm soát 37NA-51213 chở theo Trần Duy M, sinh ngày 22/8/2007, trú tại xóm T, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An đi trên đường H, hướng từ thành phố Hà Nội đi tỉnh Nghệ An, ngang qua đoạn đường thuộc thôn F, xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa thì vượt qua xe đạp điện của Đậu Văn M1, sinh ngày 04/10/2008, trú tại xóm M, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An điều khiển chở theo Phan Hoàng T1, sinh ngày 05/12/2008, trú tại khối T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nghệ An đang đi cùng chiều. Thấy Đậu Văn M1 vừa điều khiển xe, vừa sử dụng, cầm chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A21S màu đen trên tay trái nên Trần Duy M nảy sinh ý định, yêu cầu P quay xe lại để giật lấy chiếc điện thoại. P đồng ý, điều khiển xe quay đầu vòng lại, đi phía sau xe, rồi vượt lên áp sát vào xe của Đậu Văn M1. Lúc này, Trần Duy M ngồi sau dùng tay phải giật lấy chiếc điện thoại di động của Đậu Văn M1. Thấy Trần Duy M đã giật được điện thoại, P điều khiển xe tăng ga

bỏ chạy thẳng về hướng huyện T, tỉnh Nghệ An để về nhà. Bị giật mất điện thoại, Đậu Văn M1 đã đến Công an xã B trình báo sự việc.

Tiếp nhận vụ việc, Công an xã B đã phối hợp xác minh, chuyển vụ việc cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N giải quyết theo thẩm quyền.

Qua rà soát dữ liệu camera, áp dụng các biện pháp kiểm tra, xác minh, Cơ quan điều tra đã triệu tập Trần Duy M và Tạ Quang P để làm việc. Sau khi được triệu tập, Trần Duy M và Tạ Quang P đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu trên, Trần Duy M còn tự giác giao nộp chiếc điện thoại di động đã chiếm đoạt được cho Cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả tội phạm. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai trình bày của người bị hại, phù hợp với vật chứng vụ án, dữ liệu điện tử đã thu giữ được và chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Kết quả định giá tài sản tại Kết luận định giá tài sản số 01/KL-ĐGTS ngày 05/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản - Ủy ban nhân dân huyện N xác định: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A21S của Đậu Văn M1 tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 900.000 đồng.

Cũng trong quá trình điều tra, gia đình các bị cáo Tạ Quang P và Trần Duy M đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại số tiền 1.000.000 đồng; bị hại và gia định bị hại đã đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo.

Kết quả xác minh về tuổi, nhân thân, lý lịch xác định: Các bị cáo Tạ Quang P và Trần Duy M đều là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội; thời điểm phạm tội, cả hai đang là học sinh Trường Trung học phổ thông T4, huyện T, tỉnh Nghệ An; quá trình sinh sống và học tập không có vi phạm pháp luật nào khác, luôn chấp hành tốt nội quy, quy định của nơi học tập, sinh sống. Người bị hại Đậu Văn M1 là người dưới 16 tuổi.

Về việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A21S màu xanh đen (màu sắc được thay đổi theo góc nhìn), số IMEI1: 351662613371816, số IMEI2: 352465213371817. Tình trạng mặt kính trước của điện thoại bị vỡ nứt, đã qua sử dụng, hoạt động bình thường;

- 01 (một) xe máy nhãn hiệu SAKI Motor, loại xe WOWY RSX màu xanh đen, số máy: SKI1P39FMBC001657, số khung: RL9SCB4L7MCV01657, biển kiểm soát 37NA-51213, xe đã qua sử dụng.

Quá trình điều tra, xác định chiếc điện thoại trên là tài sản hợp pháp của ông Đậu Văn T (bố đẻ của bị hại Đậu Văn M1), còn chiếc xe máy là tài sản hợp pháp của ông Trần Duy L1 (bố đẻ của bị cáo Trần Duy M) nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý, giao trả lại cho chủ sở hữu.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, ngoài ra còn được gia đình các bị cáo tự nguyện bồi thường cho số tiền 1.000.000 đồng nên không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại Bản cáo trạng số 09/CT-VKSNX ngày 04/3/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố các bị cáo Trần Duy M, Tạ Quang P về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d, g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt, bị hại - anh Đậu Văn M1, người đại diện hợp pháp của bị hại - ông Đậu Văn T không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt đến mức thấp nhất cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Duy M, Tạ Quang P đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Trần Duy M, Tạ Quang P phạm tội "Cướp giật tài sản";

- Áp dụng điểm d, g khoản 2 Điều 171; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 90; Điều 91 và khoản 1 Điều 101 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự,

+ Xử phạt bị cáo Trần Duy M từ 30 tháng đến 34 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

+ Xử phạt bị cáo Tạ Quang P từ 26 tháng đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 52 tháng đến 60 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo;

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, ngoài ra còn được gia đình các bị cáo tự nguyện bồi thường cho số tiền 1.000.000 đồng. Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét;

- Về vật chứng: Vật chứng của vụ án đã được xử lý trong giai đoạn điều tra nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét;

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo Trần Duy M, Tạ Quang P nêu quan điểm:

- Thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân truy tố các bị cáo Trần Duy M, Tạ Quang P về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d, g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

- Đề nghị HĐXX xem xét các bị cáo Trần Duy M, Tạ Quang P đều là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội. Ở độ tuổi này, các bị cáo chưa phát triển đầy đủ về thể chất và tâm, sinh lý, suy nghĩ bồng bột, nhận thức và

hiểu biết pháp luật chưa đầy đủ. Các bị cáo hiện đang là học sinh Trường Trung học phổ thông T4, huyện T, tỉnh Nghệ An. Các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả và được bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Ngoài ra, bị cáo M có ông nội là Trần Khắc K1, bà nội là Phan Thị T2 là người có công với cách mạng; bị cáo P có ông nội là Tạ Quang L3, bà nội là Lê Thị H2 và ông ngoại là Nguyễn Như B là người có công với cách mạng. Vì vậy, đề nghị HĐXX cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d, g khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và cho các bị cáo được hưởng án treo để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; không xem xét về phần trách nhiệm dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

Những người đại diện hợp pháp của các bị cáo nêu ý kiến: Các bị cáo đều là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội, nhận thức pháp luật chưa đầy đủ, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và cho các bị cáo được hưởng án treo để các bị cáo được tiếp tục đi học, trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Các bị cáo thống nhất với luận tội và không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, thống nhất với quan điểm bào chữa của người bào chữa.

Khi nói lời sau cùng, các bị cáo đều nhận tội và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng sự khoan hồng của pháp luật với mức án thấp nhất để được tiếp tục đi học và trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, dữ liệu điện tử đã thu giữ, vật chứng vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở để kết luận:

Vào khoảng 13 giờ 00 phút, ngày 01/01/2024, trong quá trình đi trên đường H, đoạn qua thôn F, xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, phát hiện người bị hại có sơ hở trong quản lý tài sản, Trần Duy M và Tạ Quang P (đều là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi) đã cùng nhau sử dụng xe máy, áp sát, giật lấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A21S trị giá 900.000 đồng của anh Đậu Văn M1 (là người dưới 16 tuổi, đang điều khiển xe đạp điện) rồi nhanh chóng bỏ chạy để trốn thoát.

Do đó, hành vi dùng thủ đoạn nguy hiểm, cướp giật tài sản của người dưới 16 tuổi trên đây của Trần Duy M và Tạ Quang P đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản" quy định tại điểm d, g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ hành vi, hậu quả thấy rằng:

Hành vi cướp giật tài sản của các bị cáo Trần Duy M, Tạ Quang P được thực hiện với lỗi cố ý, có tính chất rất nghiêm trọng, tính nguy hiểm cho xã hội rất cao, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu, quản lý tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, có nguy cơ gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của người khác, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó, cần xử lý nghiêm minh để cải tạo, giáo dục các bị cáo có ý thức tuân theo pháp luật, đồng thời để giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Xét về vai trò của từng bị cáo trong vụ án:

Các bị cáo Trần Duy M, Tạ Quang P có sự thống nhất ý chí, cùng thực hiện tội phạm nên đồng phạm giản đơn với nhau. Trong đó, Trần Duy M là người khởi xướng, trực tiếp chiếm đoạt tài sản của người bị hại nên có vai trò thứ nhất, cao hơn so với bị cáo P; Tạ Quang P là người đồng thuận, điều khiển xe áp sát, tạo điều kiện cho M thực hiện việc chiếm đoạt tài sản và tẩu thoát nên có vai trò thứ hai. Vì vậy, bị cáo M phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn so với bị cáo P.

Trên cơ sở xem xét hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo, Hội đồng xét xử đưa ra mức hình phạt phù hợp.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, thấy rằng:

Các bị cáo Trần Duy M, Tạ Quang P đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả và được bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Ngoài ra, bị cáo M có ông nội là Trần Khắc K1, bà nội là Phan Thị T2 là người có công với cách mạng; bị cáo P có ông nội là Tạ Quang L3, bà nội là Lê Thị H2 và ông ngoại là Nguyễn Như B là người có công với cách mạng. Vì vậy, các bị cáo đều được

hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo đều là người chưa thành niên phạm tội nên chưa nhận thức được đầy đủ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của mình gây ra; do đó khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 90, Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự để xem xét chính sách khoan hồng đối với người chưa thành niên phạm tội, lượng giảm cho các bị cáo một phần hình phạt để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo có nhân thân tốt, đều là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, hiện đang học phổ thông, có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà giao cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự cũng đủ điều kiện cải tạo các bị cáo trở thành người có ích cho gia đình, xã hội.

[6] Xét về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 6 Điều 91 của Bộ luật Hình sự, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại đã nhận lại tài sản bị các bị cáo chiếm đoạt, ngoài ra còn được gia đình các bị cáo tự nguyện bồi thường số tiền 1.000.000 đồng. Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng:

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A21S màu xanh đen (màu sắc được thay đổi theo góc nhìn), số IMEI1: 351662613371816, số IMEI2: 352465213371817. Tình trạng mặt kính trước của điện thoại bị vỡ nứt, đã qua sử dụng, hoạt động bình thường, là vật chứng của vụ án. Quá trình điều tra, xác định chiếc điện thoại này là tài sản hợp pháp của ông Đậu Văn T (bố đẻ của bị hại Đậu Văn M1), nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý, giao trả lại cho chủ sở hữu là ông Đậu Văn T. Việc xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 01 (một) xe máy nhãn hiệu SAKI Motor, loại xe WOWY RSX màu xanh đen, số máy: SKI1P39FMBC001657, số khung: RL9SCB4L7MCV01657, biển kiểm soát 37NA-51213, xe đã qua sử dụng: Đây là chiếc xe mà các bị cáo Trần Duy M và Tạ Quang P sử dụng làm phương tiện phạm tội. Quá trình điều tra xác định, chiếc xe này là tài sản hợp pháp của ông Trần Duy L1 (bố đẻ của bị cáo M), ông L1 giao cho bị cáo M sử dụng làm phương tiện đi lại, học tập; việc bị cáo M sử dụng làm phương tiện phạm tội, ông L1 không biết nên không có lỗi. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý, giao trả

lại cho chủ sở hữu là ông Trần Duy L1. Việc xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d, g khoản 2 Điều 171; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 90; Điều 91; khoản 1 Điều 101 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự,

- Tuyên bố: Các bị cáo Trần Duy M, Tạ Quang P phạm tội "Cướp giật tài sản";

- Xử phạt: Bị cáo Trần Duy M 33 (ba mươi ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (15/5/2024).

- Xử phạt: Bị cáo Tạ Quang P 28 (hai mươi tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 56 (năm mươi sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (15/5/2024).

Giao bị cáo Trần Duy M cho UBND xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Tạ Quang P cho UBND xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Trần Duy M, Tạ Quang P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí HSST.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Như Xuân;
- CQĐT Công an huyện Như Xuân;
- CQTHAHS Công an huyện Như Xuân;
- Chi cục THADS huyện Như Xuân;
- Bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị cáo; người bào chữa; bị hại; người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Cao Cường